

đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau giữa các cột đỡ, phát huy thế mạnh của từng cột đỡ.

Tuy nhiên, nếu định hướng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, dựa trên tri thức thì việc tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về GD cần được *nhìn nhận mới* trên từng vấn đề cốt lõi của GD. Điều này sẽ được làm sáng tỏ trong quá trình điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển GD 2001-2010 và quá trình xây dựng mới Chiến lược GD đến năm 2020.

Trong phạm vi bài này sẽ chỉ đề cập đến tầm nhìn GD, tức là hình ảnh định hướng về GD nước ta vào năm 2020. Có thể phác hoạ hình ảnh này từ nhiều góc độ khác nhau. Ở góc độ nhiệm vụ GD, là hình ảnh về nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Ở góc độ phát triển GD là hình ảnh về quy mô, chất lượng, hiệu quả và công bằng xã hội trong GD. Dưới đây sẽ phác hoạ tầm nhìn ở góc độ vốn con người và vốn xã hội.

Có nhiều định nghĩa về vốn con người và vốn xã hội. Cũng có thể đề cập đến các khái niệm này từ góc độ một cá nhân, một tổ chức, một địa phương hoặc một quốc gia. Ở đây, khái niệm vốn con người, vốn xã hội được xem xét ở góc độ vĩ mô và được hiểu như một loại vốn, giống như vốn kinh tế, trong phát triển kinh tế - xã hội.

Vốn con người đóng vai trò quyết định, bên cạnh các nguồn vốn khác, trong sự phát triển kinh tế tri thức. Tuy nhiên, để thực hiện được vai trò này, con người trong nền kinh tế tri thức phải có những *năng lực mới, kĩ năng mới*. Các năng lực đó là năng lực chủ động thực hiện nhiệm vụ, khả năng sử dụng các công cụ, công nghệ, tri thức, thông tin và ngôn ngữ một cách tương tác, năng lực làm việc thành công trong các nhóm xã hội khác nhau. Các kĩ năng mới là *kĩ năng kĩ thuật (ngôn ngữ, ngoại ngữ, toán, khoa học, giải quyết vấn đề), kĩ năng liên tác (làm việc theo nhóm, quản lí, lãnh đạo, giao tiếp), kĩ năng phương pháp luận (tự học, học suốt đời, thích ứng với thay đổi, đương đầu với rủi ro, chấp nhận mạo hiểm)*. GD chịu trách nhiệm chính trong việc cung cấp các năng lực mới, kĩ năng mới. Để

làm được như vậy, mỗi nước đều tìm cách cải cách GD một cách phù hợp. Chẳng hạn, chiến lược GD của EU đến 2010 đặt ra các mục tiêu cụ thể như: phổ cập công nghệ thông tin liên lạc, nâng tỉ lệ nhập học các ngành khoa học kĩ thuật, xây dựng tinh thần tạo nghiệp, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, tăng cường gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và việc làm.

Vốn xã hội là vốn được tạo bởi sự gắn kết giữa các thành viên trong một tổ chức, cộng đồng bởi sự chia sẻ giá trị, lòng tin, chuẩn mực mà kết quả là đem lại lợi ích cho tổ chức, cộng đồng, xã hội. Trong kinh tế tri thức, vốn xã hội nổi lên như tác nhân điều phối, củng cố và tăng cường các cột đỡ kinh tế, thể chế, sáng chế, phát minh và tạo nên sức mạnh tổng hợp của bốn cột đỡ kinh tế tri thức. Vốn xã hội do nhiều nhân tố đem lại như truyền thống, văn hoá, trong đó GD đóng vai trò quan trọng nhất. Để làm được như vậy công tác GD phải được thiết kế lại để đảm bảo chất lượng thực sự của nhiệm vụ dạy làm người, khắc phục tâm lí thất bại học đường, tạo cơ hội và niềm tin để mọi người vào mọi lúc và ở mọi nơi đều có thể tiếp tục học lên, đem lại môi trường GD khoáng đạt trong đó mọi năng lực cá nhân đều được chú trọng và phát huy.

Về vốn con người, căn cứ vào chỉ số HDI trong Human Development Report 2005 thì GD nước ta vào loại trung bình khá (với chỉ số GD là 0,82), xếp thứ 98/177 nước. Về vốn xã hội, GD nước ta đã có đóng góp đáng kể trong việc thực hiện công bằng xã hội (về chỉ số HPI, Việt Nam xếp thứ 47/103 nước đang phát triển) và bình đẳng giới (về chỉ số GDI, Việt Nam xếp thứ 83/140 nước); hệ thống GD cũng đang được thiết kế lại nhằm tăng cường sự gắn kết xã hội trên cơ sở mở rộng cơ hội học tập cho mọi người, phát huy năng lực cá nhân, tăng cường GD công dân, khuyến khích học suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

Dù rằng, trên bảng xếp hạng thế giới, nước ta còn xếp hạng thấp trong GD cũng như trong nhiều lĩnh vực khác, nhưng điều quan trọng là chúng ta đang có thế và lực mới, tạo đà cho bước phát triển mạnh mẽ trong 10 - 15 năm tới. Điều này được thể hiện phần nào qua Báo cáo

chuyển nguồn* toàn cầu 2005. Báo cáo này dự báo vào năm 2015, Việt Nam sẽ xếp thứ 17 trong 30 nước dẫn đầu về địa chỉ chuyển nguồn, trong đó 5 nước đầu tiên lần lượt là Trung Quốc, Ấn Độ, Mĩ, Bra-xin, Nga⁹. Trong các lợi thế nhiều mặt của Việt Nam, hệ thống GD được coi là tốt (nguyên văn: excellent) trong đó nguồn tài năng về toán và logic tạo thành đầu vào sẵn sàng cho công nghệ thông tin.

Vì vậy, có thể đưa ra tầm nhìn GD Việt Nam là: đến năm 2020, GD nước ta được chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, đạt trình độ trong khu vực, đủ năng lực hội nhập với các nền GD tiên tiến trên thế giới, góp phần chủ yếu trong việc tạo ra vốn con người có chất lượng cạnh tranh và vốn xã hội vững chắc, đáp ứng các yêu cầu của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, dựa trên tri thức.

5. Kết luận

Thế kỉ XXI đã trở thành trường đua của các quốc gia vào nền kinh tế tri thức, trong đó vốn con người và vốn xã hội nằm ở trung tâm của các chiến lược phát triển. Các nước phát triển đang dẫn đầu cuộc đua và ở vị trí quá độ sang nền kinh tế tri thức. Mĩ tập trung vào chiến lược siêu xa lộ thông tin, phát triển các dịch vụ và các ứng dụng, kết nối các tổ chức y tế và GD. Liên minh Châu Âu đặt mục tiêu đến năm 2010 trở thành nền kinh tế tri thức cạnh tranh và năng động nhất thế giới, trong đó các hệ thống GD quốc dân nổi lên như những hệ quy chiếu về chất lượng trong phạm vi toàn cầu. Úc xây dựng chiến lược kinh tế thông tin, nối mạng toàn đất nước, mở rộng các lợi ích của kinh tế mạng đến các vùng nông thôn và vùng xa. New Zealand đặt mục tiêu chuyển từ một nền kinh tế có tính chất đồng quê sang một nền kinh tế được dẫn dắt bởi tri thức v.v...

Các nước công nghiệp mới (NIC) không chịu kém trong cuộc đua. Singapore đưa ra tầm nhìn chuyển đất nước thành hòn đảo thông minh trên cơ sở thực hiện "nhà trường tư duy, quốc gia học tập". Hàn Quốc xác định tầm nhìn về một GD không tưởng (edutopia), một nhà nước phúc lợi GD để sáng tạo ra một "Hàn Quốc mới" với tư

cách là trung tâm của nền văn minh mới.

Trong bối cảnh chung đó, việc điều chỉnh Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, xây dựng tầm nhìn và chiến lược phát triển GD cho 15-20 năm tới như đã trình bày trong Báo cáo về tình hình GD do Chính phủ trình Quốc hội tại kì họp thứ 6, Quốc hội khoá XI là hết sức cần thiết. Về nguyên tắc, việc quyết định tầm nhìn được thực hiện bởi các nhà hoạch định chính sách cấp cao. Tuy nhiên, quá trình xây dựng tầm nhìn là một quá trình dân chủ, cần thu hút được rất nhiều đề xuất, sáng kiến, trí tưởng tượng, óc táo bạo của tất cả những ai quan tâm. Bài báo này hi vọng là một đóng góp nhỏ trong quá trình đầy tính sáng tạo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả, Tư duy lại tương lai (Nguyên tác: Rethinking the Future), tr 118, NXB Trẻ TP Hồ Chí Minh, 2004.
2. Creating a Vision, www.nsba.org/sbot/toolkit.
3. WBI Development Studies, China and the Knowledge Economy: Seizing the 21st Century, Washington, D.C., 11/2001.
4. India Vision 2020, Planning Commission, Government of India, New Delhi, 12/2002.
5. H.C.Chen & C.J.Dahlman, The Knowledge Economy, the KAM Methodology and World Bank Operations, Washington, 10/2005.
6. GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn (chủ biên), Phát triển kinh tế tri thức đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2004.
7. Lifelong learning in the Global Knowledge Economy: Challenges for Developing Countries, A World Bank Report, 2003.
8. Mark Minevich & Frank-Jurgen Richter, Global Outsourcing Report 2005, 3/2005.

SUMMARY

Based on World Bank approach to the knowledge economy it is envisioned that by 2020 Vietnam will be basically a knowledge-based, modern-oriented industrialized country. As such, the Vietnam education vision 2020 is to be ranked as a quality education in the region, capable of integrating successfully with advanced education systems in the world, contributing chiefly to the provision of human capital of competitive quality and high social capital in response to the needs of the country.

* Chuyển nguồn (outsourcing) là thuật ngữ để chỉ việc chuyển phần công việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, công nghệ thông tin sang thực hiện ở một nước khác dựa trên các lợi thế của nước này. Trong kinh tế toàn cầu ngày nay, chuyển nguồn trở thành một thị trường có tính cạnh tranh cao bởi lẽ nước được chọn làm địa chỉ chuyển nguồn sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài và có nhiều cơ hội để tăng tốc phát triển.

CÁCH NHÌN MỚI VỀ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

• GS. TSKH. VŨ NGỌC HẢI

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Nghiên cứu giáo dục đại học (GDĐH) rất quan trọng, trước hết vì vị trí của GDĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân, vì sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực và vì nếu GDĐH yếu kém thì ảnh hưởng trực tiếp đến sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, đến sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Sự phát triển của GDĐH nước ta trong những năm đổi mới với những thành tựu không thể nói khác được, đó là tăng quy mô, đa dạng hoá loại hình trường, bước đầu đa dạng hoá phương thức giảng dạy, học tập, đa dạng hoá chương trình, mở rộng ngành nghề... GDĐH ngày càng gần hơn với sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và cũng đã đào tạo cho xã hội được một nguồn nhân lực đáng kể, tuy chất lượng còn nhiều hạn chế, nhưng cũng đã góp phần quan trọng trong công cuộc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc tăng trưởng GDP 7-7,5% hàng năm ở nước ta trong những năm đổi mới, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp, dịch vụ, hiện đại hoá... chắc chắn có sự đóng góp đáng kể của nguồn nhân lực GDĐH. Tuy nhiên bên cạnh cái được còn khiếm tốn ấy, GDĐH nước ta hiện nay còn khá nhiều khuyết tật và đứng trước nhiều nhiều thách thức.

Những thách thức đối với GDĐH Việt Nam

1. Thách thức giữa hiện trạng GDĐH nước ta và sự phát triển của thời đại. Sự yếu kém về chất lượng đã tạo khoảng cách xa giữa GDĐH nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới. Sau 20 năm đổi mới, chưa một trường đại học nào ở nước ta được khu vực và thế giới đưa vào bảng xếp hạng.

2. GDĐH chưa thực sự gắn được với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất và thị trường lao động. Mô hình nghiên cứu trong cả nước vẫn tổ chức theo kiểu cũ, tách rời đào tạo và nghiên cứu. Một hệ thống khá đồ sộ các viện nghiên cứu vẫn còn nằm ngoài các trường đại học. Với nguồn kinh phí thấp, nghiên cứu

khoa học trong các trường đại học bị dàn trải và vẫn còn mang nặng hình thức trang trí. Trong khi đó thì cơ cấu ngành nghề đào tạo, cơ cấu loại hình, cơ cấu vùng miền chưa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3. Nội dung, chương trình giảng dạy nhìn chung còn cũ, lạc hậu, còn xa rời thực tế, chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế-xã hội. Phương pháp giảng dạy, học tập còn thụ động, nhiều lí thuyết, nhẹ thực hành, thiếu sáng tạo, ít quan tâm đến dạy tư duy, kĩ năng, kĩ xảo.

4. Quản lí GDĐH còn theo kiểu cũ, mang nặng tính tập trung, bao cấp, nhà trường thiếu nhiều quyền tự chủ.

5. Sự hẫng hụt về chất lượng và cả về số lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí. Sự thiếu hụt và không đồng bộ giảng viên đầu ngành đã đến mức độ báo động. Nếu chỉ tính về số lượng thì từ những năm đầu thời kì đổi mới, nước ta có khoảng 90.000 sinh viên thì năm học 2003-2004 số sinh viên đã lên tới 1.032.000, tức gấp 11,5 lần, ngoài ra chưa kể còn có khoảng 300.000 sinh viên theo học hệ tại chức và từ xa. Trong khi đó số giảng viên đại học hiện nay mới chỉ có gần 40.000, có nghĩa là mới tăng gấp đôi so với năm đầu đổi mới. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của toàn hệ thống GDĐH hiện là 34. Một tỉ lệ quá cao gần như không bắt gặp ở các nước trong khu vực và trên thế giới. Nếu so với Thái Lan, một nước chỉ có trên 62 triệu dân, nhưng đã có tới 123 trường đại học trong tổng số 859 cơ sở GDĐH gồm đại học, cao đẳng và cao đẳng cộng đồng. Năm 2002 số sinh viên đã lên tới 1.872.207, chiếm 27,4% trong thanh niên thuộc nhóm tuổi từ 18 đến 21. Tỷ lệ tuyển sinh từ các học sinh tốt nghiệp trường trung học phổ thông vào đại học và cao đẳng là 83,1% (39,5% hệ đại học và 43,6% là hệ cao đẳng).

6. Đầu tư cho GDĐH quá thấp. Mỗi năm cả hệ thống GDĐH nước ta được cấp khoảng